

Số: 174/2019/QĐST-HNGĐ

*Lấp Vò, ngày 17 tháng 7 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 257/2019/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 257 ấp T, xã K, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lê Ngọc P, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 311 ấp B, xã M, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Lê Ngọc P.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Lê Ngọc P tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Lê Ngọc Như Q, sinh ngày 02/02/2017 cho chị Nguyễn Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Lê Ngọc Như Q hiện đang do chị C nuôi dưỡng).

Chị Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu anh Lê Ngọc P có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu Lê Ngọc Như Q.

Chị Nguyễn Thị Kim C và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lê Ngọc P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Lê Ngọc P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Lê Ngọc P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim C tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số BH/2018/ 0002843, ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV. Chị C được nhận lại tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã M;
- (GCNKH số 14 ngày ĐK 23/3/2016)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

**Trần Văn Kiến**